

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 19/2023/HS-ST

Ngày: 26- 5- 2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương; Bà Nguyễn Thị Vân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023 đối với:

- Bị cáo: **T T P**, Sinh ngày 17/7/1996 tại: Huyện N, tỉnh T; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: V ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông: T T T, sinh năm 1966 và bà L T H, sinh năm 1968; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án: 01 tiền án ngày 12/4/2021 bị TAND huyện N xử phạt 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, ngày 05/01/2022 chấp hành xong hình phạt tù ra trại; Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/01/2023, chuyển tạm giam từ ngày 18/01/2023 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại: Chị P T T sinh năm 1997

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh T (có mặt)

- Người làm chứng: Anh T X G sinh năm 1978

Trú tại: Khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh T (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo T T P và chị P T T trước đây có mối quan hệ yêu đương và chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2022 thì chia tay nhưng cả hai vẫn giữ liên lạc, gọi điện, nhắn tin với nhau.

Khoảng 07 giờ ngày 10/01/2023, P gọi điện cho T đến đón P ở nhà nghỉ Đ, khu phố 4, phường B (do trước đó P và T đã nhắn tin, gọi điện hẹn gặp nhau nên T đồng ý) và đi xe máy đến nhà nghỉ Đ đón P. Khi T đến, P chờ T đi rút tiền nhưng do xe máy hết xăng nên cả hai đi đổ xăng ở cây xăng công 1, phường B. Lúc này trời mưa to nên P đưa T về nhà nghỉ Đ. Khi đến nơi, T không đồng ý vào phòng cùng P nên đi ra ngoài cổng nhưng bị P kéo lại, T phản kháng nhưng không được, P kéo, đẩy T vào phòng số 06 tầng 1. Tại cửa phòng, do không muốn vào nên T bám chặt tay vào cửa nhưng bị P dùng sức gỡ tay T ra đẩy T vào phòng và đóng cửa. T định đi ra nhưng bị P kéo lại rồi khóa cửa phòng. Tại đây, P yêu cầu T quay lại yêu P nhưng T không đồng ý nên giữa P và T xảy ra cãi vã (ngoài do việc níu kéo tình cảm, còn cãi nhau về việc T đang yêu người khác). Quá trình cãi vã, P dùng tay phải tát 03 cái vào đầu, mặt T, dùng chân phải đá vào chân T làm T sợ hãi, khóc lóc. Cả hai nói chuyện thêm một lúc thì P nói với T cho P quan hệ tình dục nhưng T không đồng ý và quay mặt đi chỗ khác. P kéo T lại, lật ngửa người, đè T xuống giường. T phản kháng lại để thoát ra nhưng không được do bị P giữ chặt.

Lúc này, P dùng tay xoa, bóp ngực T rồi dùng tay phải luồn vào quần xoa âm đạo của T, T giật tay P ra nhưng không được, P dùng hai tay cởi quần ngoài và quần lót của T thì T kéo quần lại không cho P cởi nhưng không được. Sau khi cởi được quần T, P ném xuống cuối giường rồi thực hiện hành vi quan hệ tình dục khoảng 30 phút thì Phương xuất tinh vào âm đạo T. T nằm khoảng 15 phút thì đi tắm rửa. Sau đó T hỏi P chìa khóa xe để về đi làm, thì P nói không biết và bảo T ở lại nói chuyện, T không nói gì và ngồi xuống. P chửi T về việc T chia tay P và yêu bạn của P thì T không nói gì. Do tức giận về việc này nên P dùng tay tát vào mặt T 02 cái, đâm vào lưng, vào người T 02 cái. Lúc này T sợ hãi và khóc lóc, cả 02 nói chuyện thêm 30 phút, P ôm T thì T cũng quay lại ôm P nên P bảo T cho P quan hệ thêm một lần nữa rồi về đi làm. T không nói gì, khẽ gật đầu đồng ý nên P cởi quần áo của T và P rồi thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Khi quan hệ, T không phản kháng gì, khoảng 15 phút sau thì P xuất tinh vào âm đạo của T. Khi P quay mặt sang trái để thở thì T bất ngờ lắc đầu va răng vào môi P dẫn đến chảy máu. Do bị đau nên P dùng tay phải tát 01 cái vào mặt T. Sau đó T đi tắm rửa, mặc quần áo và P đưa cho T 1.000.000 đồng để sửa điện thoại như đã hứa rồi trả phòng ra về.

Ngày 11/01/2023, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và biết P T T đã báo cáo sự việc đến cơ quan công an nên T T P đã đến Công an phường B xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Tang vật, tài sản thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, máy cũ, đã qua sử dụng, bị nứt vỡ màn hình.

Ngày 16/01/2023, Trung tâm pháp y T giám định pháp y về tình dục đối với P T T kết luận:

- Test PSA (Test tinh dịch): Dương tính (có tinh dịch trên các mẫu dịch thu được từ âm đạo của P T T).

- Màng trinh: Rách cũ nhiều vị trí.

Tại thời điểm giám định pháp y về tình dục: Không đủ chứng cứ khoa học và các dữ liệu khách quan để xác định chính xác về thời gian rách màng trinh của Phạm Thị Thanh.

Ngày 17/01/2023, Trung tâm pháp y T giám định pháp y về thương tích đối với P T T kết luận: Tại thời điểm giám định pháp y về thương tích: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với P T T được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể (cộng theo phương pháp xác định tỷ lệ % TTCT quy định tại Điều 4 Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế) là 08% (tám phần trăm).

* Quá trình điều tra chỉ T khai báo ngoài việc dùng chân, tay T T P còn dùng roi điện gây thương tích cho chỉ P T T. T T P khai chỉ dùng chân, tay không gây thương tích cho chỉ P T T. Tiến hành đối chất giữa TT P và P T T, P không thừa nhận việc dùng roi điện để gây thương tích cho chỉ T.

Ngày 18/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã B tiến hành khám xét đối với chỗ ở, đồ vật, tài sản của T T P tại Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh T, kết quả: Không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

* Ngày 02/3/2023, Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận giám định pháp y về hung khí số 300/2023/TgT kết luận: Tại thời điểm giám định: Không đủ chứng cứ khoa học và các dữ liệu khách quan để xác định chính xác tư thế, chiều hướng và lực tác động của vật gây thương tích. Do đó không đủ căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với T T P về hành vi “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Ngày 08/02/2023, chỉ PT T có đơn xin rút yêu cầu xử lý đối với T T P về hành vi gây thương tích và gửi ảnh nhạy cảm đối với chỉ T. Việc rút đơn của chỉ Thanh là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật vì vậy Công an thị xã B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi nêu trên của T T P là phù hợp theo quy định của pháp luật không xem xét giải quyết đối với hành vi nêu trên.

* Về bồi thường dân sự: Chỉ P T T yêu cầu bị cáo T T P phải bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm cho chỉ số tiền 40.000.000đ

do hành vi hiếp dâm của P gây ra. Quá trình điều tra bị cáo P chưa thực hiện được việc bồi thường dân sự..

* Xử lý tang vật, tài sản thu giữ

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, máy cũ, đã qua sử dụng, bị nứt vỡ màn hình.

Tài sản trên là vật chứng có liên quan đến vụ án đã được chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn để bảo quản và xử lý theo quy định của pháp luật.

* Xử lý vi phạm hành chính: Ngày 06/4/2023, Công an thị xã B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T T P về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác” và “Bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của người khác”, hình thức phạt tiền theo quy định tại Điểm a khoản 3; Điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS-BS ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố T T P về tội “Hiếp dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 141 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 141; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù. Về Trách nhiệm dân sự, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 586; Điều 592 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền nghỉ 01 ngày bị trừ vào lương gồm các khoản (tiền chuyên cần 100.000đ và 180.000đ một ngày công), tổng là 280.000đ và bồi thường về danh dự nhân phẩm uy tín số tiền từ 8 đến 10 tháng lương cơ sở. Đồng thời, buộc bị cáo nộp tiền án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B; Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo T T P phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 7 giờ ngày 10/01/2023 tại nhà nghỉ Đ thuộc khu phố 4, phường B, thị xã Bim Sơn, tỉnh T xuất phát từ việc níu kéo quan hệ tình cảm không thành

nên bị cáo T T P đã có hành vi dùng vũ lực (dùng tay tát, dùng chân đá) vào người và thực hiện quan hệ tình dục trái với ý muốn của chị P T T 01 lần và gây thương tích cho chị T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08%. Vì vậy, hành vi nêu trên của T T P đã phạm vào tội “ hiếp dâm” được quy định tại khoản 1 điều 141 của BLHS.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thị xã nên cần phải được xét xử nghiêm minh nhằm răn đe giáo dục và phòng chống tội phạm.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thật thà thành khẩn, ăn năn hối cải nên khi lượng hình được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 của BLHS. Ngoài ra hội đồng xét xử cũng xét sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo khoản 2 điều 51 của BLHS. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự : Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng là: “ tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 của BLHS.

[5] Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1 T và đã từng bị Tòa án xét xử về hành vi :

“ Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội . Cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định để bị cáo suy ngẫm về hành vi của mình thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] . Về trách nhiệm Dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại là chị P T T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mất thu nhập do phải nghỉ làm 01 ngày bị trừ vào lương gồm: tiền chuyên cần là 100.000đ, tiền một ngày công là 180.000đ,, đồng thời yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 40.000.000đ do hành vi hiếp dâm của bị cáo gây ra ảnh hưởng đến danh dự nhân phẩm của người bị hại. Căn cứ khoản 2 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 586; khoản 4 Điều 589; điều 592 của Bộ luật dân sự, HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường số tiền chuyên cần 100.000đ và 180.000đ một ngày công bị trừ vào lương, tổng là: 280.000đ và khoản tiền do thiệt hại về danh dự nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm là 10 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, tương đương với số tiền: 1.490.000đ x 10 tháng lương = 14.900.000đ. Tổng là: 15.180.000đ (mười lăm triệu, một trăm tám mươi ngàn đồng).

[7]. Về vật chứng: 01 điện thoại di động ghi chữ OPPO màu đỏ của bị cáo quá trình điều tra không đủ cơ sở xác định chiếc điện thoại nói trên liên quan đến việc phạm tội, nên căn cứ điểm b khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại chiếc điện thoại nói trên cho bị cáo T T P.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo T T P phạm tội “ Hiếp dâm”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS

Xử phạt: Bị cáo T T P 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (12/01/2023).

2.Về dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 586; Điều 592 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại là chị P T T số tiền thiệt hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm là: 15.180.000đ (mười lăm triệu, một trăm tám mươi ngàn đồng). Trong đó tiền mất thu nhập do phải nghỉ làm là 280.000đ và tiền thiệt hại về danh dự nhân phẩm uy tín là: 14.900.000đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị P T T có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo không bồi thường hoặc bồi thường không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả đối với số tiền còn phải thi hành án, mức lãi suất bằng ½ mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 điều 106 của BLTTHS trả lại cho bị cáo T T P 01 điện thoại di động ghi chữ OPPO màu đỏ, bị nứt vỡ màn hình, máy cũ.(Tang vật được bàn giao theo biên bản bàn giao nhận vật chứng ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 mục 1.3 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo T T P phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 759.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án Dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và người bị hại chị P T T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/5/2023).

Nơi nhận:

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND thị xã Bim Sơn;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Nhà tạm giữ, tạm giam
CA huyện Yên Định;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- Thi hành án HS;
- CQĐT CA thị xã Bim Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Bim Sơn;
- Tòa án tỉnh Thanh Hóa
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Hương

